

Bản án số: 43/2026/DS- ST

Ngày: 28/8/2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản -
Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân

2. Ông Đinh Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không

Ngày 28/8/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2026/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1022/2026/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1034/2026/QĐST – DS ngày 18 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lại Sỹ H, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn Q (nay là thôn T), xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038080xxxxxx.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1981

Số CCCD: 038181xxxxxx

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Đình T, sinh năm: 1979

Số CCCD: 038079xxxxxx

Cùng địa chỉ: Thôn K (nay là thôn A), xã T, tỉnh Thanh Hóa.

(Theo giấy uỷ quyền ngày 06/4/2026)

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2026, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Lại Sỹ H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 09/5/2013 ông H có cho bà Nguyễn Thị C có vay số tiền là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu đồng), trong hợp đồng không ghi lãi suất, nhưng có nói miệng với nhau lãi suất các bên tự thỏa thuận. Thời hạn vay đến ngày 29/12/2013 bà Nguyễn Thị C phải trả toàn bộ số tiền trên cho ông H. Tuy nhiên quá hạn đã lâu ông H đã đòi nhiều lần nhưng bà C vẫn không thanh toán số tiền trên cho ông H. Nay ông H đề nghị Toà án buộc bà C phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay cho ông H. Ông H không yêu cầu bà C phải trả tiền lãi phát sinh.

Tại bản tự khai ngày 24/4/2026 người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị C là ông Nguyễn Đình T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 09/5/2013 bà Nguyễn Thị C có vay của ông Lại Sỹ H số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), lãi suất các bên tự thỏa thuận. Thời hạn đến ngày 29/12/2013 bà Nguyễn Thị C phải trả toàn bộ số tiền trên cho ông Lại Sỹ H. Nhưng do khó khăn, làm ăn vỡ nợ nên bà C vẫn chưa trả được nợ cho ông H. Đến nay bà Nguyễn Thị C xác nhận số tiền vay nợ ông H là đúng thực tế và có nguyện vọng trả nợ cho ông H mỗi tháng ít nhất là 2.000.000 đồng cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền nợ, tháng nào có điều kiện sẽ trả nhiều hơn.

Tại phiên toà vắng mặt các đương sự. Nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho H số tiền nợ gốc đã vay là 120.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lại Sỹ H, khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) bà C cư trú tại xã T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa theo Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Giao dịch dân sự ngày 09/5/2013 giữa ông H và bà C được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, nhưng giao dịch dân sự này chưa được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật này để giải quyết là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 280, Điều 463 Bộ luật dân sự vụ án có quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản - Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương

sự nhưng bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không đến Tòa án. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bị đơn và không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho bị đơn theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ bị đơn cố tình trốn tránh. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về số tiền gốc: Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 09/5/2013 thể hiện bà Nguyễn Thị C có vay của ông Lại Sỹ H, số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Thời hạn vay đến ngày 29/12/2013 sẽ trả toàn bộ khoản vay. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Đình T cũng công nhận khoản vay nợ này là đúng thực tế, nhưng vì khó khăn nên bà C chưa trả được nợ cho ông H. Như vậy, xác định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn. Do bà Nguyễn Thị C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như cam kết, nên ông H yêu cầu bà C phải trả cho ông H số tiền nợ gốc đã vay là có căn cứ để chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Lại Sỹ H số tiền nợ gốc đã vay là 120.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3]. Về lãi suất: Trong giấy vay nợ không ghi lãi suất, nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng lãi suất theo thỏa thuận nhưng không đưa ra được mức lãi suất cụ thể. Quá trình giải quyết vụ án ông Lại Sỹ H cũng không yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải trả lãi phát sinh. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông H được Tòa án chấp nhận nên bà C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% tương ứng với số tiền phải trả nợ. Trả lại cho ông Lại Sỹ H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, Điều 220; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 470, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lại Sỹ H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả cho ông Lại Sỹ H, số tiền nợ gốc đã vay là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và ông Lại Sỹ H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho ông Lại Sỹ H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai số 0002000 ngày 17/3/2026.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Giang